

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3-GIA LAI
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/DS-ST
Ngày 26-9-2025
V/v tranh chấp chia tài sản chung
và tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3-GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bá Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hoà;
- Ông Trần Đình Văn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hữu Xuân Lộc là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Mai Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2024, về “Tranh chấp chia tài sản chung và tranh chấp về thừa kế tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1962; địa chỉ nơi thường trú: Thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là thôn A, xã A, tỉnh Gia Lai). (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Đặng H1, sinh năm: 1985; địa chỉ nơi thường trú: Thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là thôn A, xã A, tỉnh Gia Lai); chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là thôn A, xã A, tỉnh Gia Lai). (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Đặng Thị Thu H2, sinh năm: 1980; địa chỉ nơi thường trú: Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai); (có mặt)

3.2. Chị Đặng Thị T, sinh năm: 1988; địa chỉ nơi thường trú: Thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là thôn A, xã A, tỉnh Gia Lai); nơi ở hiện nay:

18/2/8 đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Nay là 18/2/8 đường T, phường Q, tỉnh Gia Lai); (có mặt)

3.3. Chị Đặng Thị N, sinh năm: 1990; địa chỉ nơi thường trú: C11/11, khu C, Tổ E, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum (Nay là C11/11, khu C, Tổ E, phường K, tỉnh Quảng Ngãi);

Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị N: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1962; địa chỉ nơi thường trú: Thôn A, xã A, tỉnh Gia Lai. (Theo văn bản uỷ quyền lập ngày 17/4/2025). (có mặt)

3.4. Chị Đặng Thị Tâm H3, sinh năm: 1992; địa chỉ nơi thường trú: Thôn T, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên (Nay là thôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk); nơi ở hiện nay: Khu phố P, phường B, tỉnh Đắk Lắk;

Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Tâm H3: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1962; địa chỉ nơi thường trú: Thôn A, xã A, tỉnh Gia Lai. (Theo văn bản uỷ quyền lập ngày 18/9/2025). (có mặt)

3.5. Chị Đặng Thị Q, sinh năm: 1995; địa chỉ nơi thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (Nay là thôn Đ, xã P, tỉnh Đắk Lắk);

Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Q: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1962; địa chỉ nơi thường trú: Thôn A, xã A, tỉnh Gia Lai. (Theo văn bản uỷ quyền lập ngày 11/6/2025). (có mặt)

3.6. Anh Đặng Văn N1, sinh năm: 1997; địa chỉ nơi thường trú: Thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là thôn A, xã A, tỉnh Gia Lai); nơi ở hiện nay: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai); (có mặt)

3.7. Anh Đặng Văn V, sinh năm: 2001; địa chỉ nơi thường trú: Thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là thôn A, xã A, tỉnh Gia Lai); (có mặt)

3.8. Chị Lê Thị T1, sinh năm 1997; địa chỉ thường trú: Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện nay: Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai). (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 5 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H là vợ của ông Đặng Đê. Ông Đặng Đê có cha là cụ ông Đặng C (chết năm 1972) và mẹ là cụ bà Lữ Thị Đ1 (chết năm 1961).

Bà Nguyễn Thị H và ông Đặng Đê có 08 người con chung là chị Đặng Thị Thu H2, anh Đặng H1, chị Đặng Thị T, chị Đặng Thị N, chị Đặng Thị Tâm H3, chị Đặng Thị Q, anh Đặng Văn N1, anh Đặng Văn V.

Ông Đặng Đê, chết năm 2013. Ông Đặng Đê C1 không để lại di chúc.

Khi còn sống hộ ông Đặng Đê được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất theo Nghị định số: 64-CP, ngày 27 tháng 9 năm 1993 của Chính phủ, trong

đó có thửa đất số 285A, tờ bản đồ số 23, diện tích 1.000m² (trong đó có 200m² đất ở nông thôn và 800m² đất vườn) tại thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. Tại thời điểm cân đối giao quyền thì hộ ông Đặng Đ có tổng cộng 09 nhân khẩu gồm: Ông Đặng Đ, bà Nguyễn Thị H, anh Đặng H1, chị Đặng Thị T, chị Đặng Thị N, chị Đặng Thị Tâm H3, chị Đặng Thị Q, anh Đặng Văn N1, anh Đặng Văn V (chị Đặng Thị Thu H2 không phải thành viên được cân đối giao quyền sử dụng đất trong hộ ông Đặng Đ, vì chị H2 đã được cấp quyền sử dụng đất riêng).

Ngoài ra, trong quá trình làm ăn, sinh sống ông Đặng Đ và bà Nguyễn Thị H còn tạo lập một số tài sản như sau: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17, diện tích 100m² tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16, diện tích 200m² tại thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; thửa đất số 1701, tờ bản đồ số 17, diện tích 336m² (trong đó: đất ở nông thôn 120m² và đất trồng cây hàng năm khác 216m²) tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

Hiện nay, thửa đất số 285A, tờ bản đồ số 23 tại thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định bà H đang quản lý, sử dụng và trên thửa đất này có 01 ngôi nhà là tài sản do ông Đặng Đ, bà Nguyễn Thị H tạo lập. Thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định và thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16 tại thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định hiện nay bà H đang quản lý, sử dụng và là đất trống. Thửa đất số 1701, tờ bản đồ số 17, diện tích 336m² tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định, vợ chồng anh Đặng Văn N1, Lê Thị T1 quản lý, sử dụng. Trên thửa đất này có 01 ngôi nhà 02 tầng, nhà quán là tài sản của vợ chồng anh N1, chị T1 và 01 ngôi nhà, tường rào là tài sản của bà H.

Sau khi ông Đặng Đ C1, gia đình tiến hành thủ tục mở thừa kế nhưng anh H1 không thống nhất, nên xảy ra tranh chấp.

Do đó, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Chia tài sản chung của hộ gia đình là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 285A, tờ bản đồ số 23 tại thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định theo quy định của pháp luật;

2. Chia tài sản chung của ông Đặng Đ và bà Nguyễn Thị H là quyền sử dụng đất tại các thửa đất: Thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16 tại thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định và thửa đất số 1701 (mới 170), tờ bản đồ số 17 (mới 36) tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định;

3. Chia thừa kế về tài sản đối với di sản của ông Đặng Đ C1 không để lại di chúc theo quy định của pháp luật cho các đồng thừa kế gồm: Bà Nguyễn Thị H, chị Đặng Thị Thu H2, anh Đặng H1, chị Đặng Thị T, chị Đặng Thị N, chị Đặng Thị Tâm H3, chị Đặng Thị Q, anh Đặng Văn N1, anh Đặng Văn V theo quy định của pháp luật.

Đối với tài sản trên các thửa đất thì bà H không yêu cầu định giá chia.

Bà Nguyễn Thị H có nguyện vọng nhận toàn bộ bằng hiện vật là thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định và thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16 tại thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; bà H sẽ thôi lại giá trị tài sản chên lệch cho các đồng thừa kế khác.

Bà Nguyễn Thị Hồng R yêu cầu: Chia tài sản chung của hộ gia đình là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 285A, tờ bản đồ số 23 tại thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định và chia thừa kế di sản của ông Đặng Đ liên quan đến thửa đất này.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/11/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đặng H1 trình bày:

Anh Đặng H1 là con ruột của bà Nguyễn Thị H và ông Đặng Đ.

Về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế của ông Đặng Đ, anh Đặng H1 thống nhất như lời trình bày của bà Nguyễn Thị H. Ông Đặng Đ, chết năm 2013 và không để lại di chúc.

Khi còn sống hộ ông Đặng Đ được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất theo Nghị định số: 64-CP, ngày 27 tháng 9 năm 1993 của Chính phủ, trong đó có thửa đất số 285A, tờ bản đồ số 23, diện tích 1.000m² tại thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. Tại thời điểm cân đối giao quyền thì hộ ông Đặng Đ có tổng cộng 09 nhân khẩu gồm: Ông Đặng Đ, bà Nguyễn Thị H, anh Đặng H1, chị Đặng Thị T, chị Đặng Thị N, chị Đặng Thị Tâm H3, chị Đặng Thị Q, anh Đặng Văn N1, anh Đặng Văn V.

Ngoài ra, trong quá trình làm ăn, sinh sống thì ông Đặng Đ và bà Nguyễn Thị H còn tạo lập một số tài sản như sau: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17, diện tích 100m² tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16, diện tích 200m² tại thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; thửa đất số 1701, tờ bản đồ số 17, diện tích 336m² (trong đó: đất ở nông thôn 120m² và đất trồng cây hàng năm khác 216m²) tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

Hiện nay, thửa đất số 285A, tờ bản đồ số 23 tại thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định bà H đang quản lý, sử dụng và trên thửa đất này có 01 ngôi nhà là tài sản do ông Đặng Đ, bà Nguyễn Thị H tạo lập. Thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17 và thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16, hiện nay bà H đang quản lý, sử dụng và là đất trống. Thửa đất số 1701, tờ bản đồ số 17, diện tích 336m², hiện nay vợ chồng anh Đặng Văn N1, Lê Thị T1 quản lý, sử dụng. Trên thửa đất này có 01 ngôi nhà và tường rào là tài sản của vợ chồng anh N1, chị T1.

Anh H1 xác định không có đóng góp công sức gì đối với các tài sản do ông Đ và bà H tạo lập.

Do đó, yêu cầu về chia tài sản chung và chia thừa kế của bà Nguyễn Thị H là quyền sử dụng các thửa đất: Thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17; thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 1701, tờ bản đồ số 17, thì anh H1 đồng ý;

anh H1 yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế theo quy định của pháp luật và yêu cầu được nhận bằng giá trị.

Anh Đặng H1 không yêu cầu định giá các tài sản gắn liền với thửa đất số 1701, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai.

Anh H1 thống nhất việc bà H rút yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình và chia thừa kế là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 285A, tờ bản đồ số 23 tại thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

Anh H1 thống nhất giao thửa đất số 1701, tờ bản đồ số 17 cho vợ chồng anh N1 tiếp tục quản lý, sử dụng; giao thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17 và thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16 cho bà H tiếp tục quản lý, sử dụng.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/3/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Thu H2 trình bày:

Chị Đặng Thị Thu H2 là con ruột của bà Nguyễn Thị H và ông Đặng Đ.

Về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế của ông Đặng Đ, chị Đặng Thị Thu H2 thống nhất như lời trình bày của bà Nguyễn Thị H. Ông Đặng Đ, chết năm 2013 và không để lại di chúc.

Khi còn sống hộ ông Đặng Đ được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất, trong đó có thửa đất số 285A, tờ bản đồ số 23, diện tích 1.000m² (trong đó có 200m² đất ở nông thôn và 800m² đất vườn); địa chỉ thửa đất: Thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. Tại thời điểm cân đối giao quyền thì hộ ông Đặng Đ có tổng cộng 09 nhân khẩu gồm: Ông Đặng Đ, bà Nguyễn Thị H, anh Đặng H1, chị Đặng Thị T, chị Đặng Thị N, chị Đặng Thị Tâm H3, chị Đặng Thị Q, anh Đặng Văn N1, anh Đặng Văn V. Chị Đặng Thị Thu H2 không được cân đối giao quyền sử dụng đất trong hộ ông Đặng Đ.

Ngoài ra, trong quá trình làm ăn, sinh sống thì ông Đặng Đ và bà Nguyễn Thị H còn tạo lập một số tài sản như sau: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17, diện tích 100m² tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16, diện tích 200m² tại thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; thửa đất số 1701, tờ bản đồ số 17, diện tích 336m² (trong đó: đất ở nông thôn 120m² và đất trồng cây hàng năm khác 216m²) tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

Hiện nay, thửa đất số 285A, tờ bản đồ số 23 tại thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định bà H đang quản lý, sử dụng và trên thửa đất này có 01 ngôi nhà là tài sản do ông Đặng Đ, bà Nguyễn Thị H tạo lập. Thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17 và thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16, hiện nay bà H đang quản lý, sử dụng và là đất trống. Thửa đất số 1701, tờ bản đồ số 17, diện tích 336m², hiện nay vợ chồng anh Đặng Văn N1, Lê Thị T1 quản lý, sử dụng. Trên thửa đất này có 01 ngôi nhà và tường rào là tài sản của vợ chồng anh N1, chị T1.

Chị H2 xác định không có đóng góp công sức gì đối với các tài sản do ông Đ và bà H tạo lập.

Do đó, yêu cầu về chia tài sản chung và chia thừa kế của bà Nguyễn Thị H là quyền sử dụng các thửa đất: Thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17; thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16 và thửa đất số 1701, tờ bản đồ số 17 thì chị H2 đồng ý; chị H2 yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế theo quy định của pháp luật và yêu cầu được nhận giá trị bằng tiền.

- Tại bản khai ngày 21/4/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị T trình bày:

Chị Đặng Thị T là con ruột của ông Đặng Đ và bà Nguyễn Thị H.

Chị Đặng Thị Thanh thống N2: Về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế của ông Đặng Đ; thống nhất nguồn gốc, quá trình hình thành tài sản của ông Đặng Đ N3 bà Nguyễn Thị H, anh Đặng H1 và chị Đặng Thị Thu H2 trình bày.

Chị T xác định ông Đặng Đ C1 năm 2013 và không để lại di chúc. Sau khi ông Đặng Đ C1, gia đình có họp để phân chia di sản nhưng không thành.

Chị T xác định không có đóng góp công sức gì đối với các tài sản do ông Đ và bà H tạo lập.

Do đó, yêu cầu về chia tài sản chung và chia thừa kế của bà Nguyễn Thị H là quyền sử dụng các thửa đất, gồm: Thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai); thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16 tại thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai) và thửa đất số 1701, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai) thì chị T đồng ý; chị T yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế theo quy định của pháp luật và yêu cầu được nhận bằng giá trị.

Chị T không yêu cầu định giá các tài sản gắn liền với thửa đất số 1701, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai.

Chị T thống nhất việc bà H rút yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 285A, tờ bản đồ số 23 tại thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định và chia thừa kế di sản của ông Đặng Đ liên quan đến thửa đất này.

Chị T thống nhất giao thửa đất số 1701, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai cho vợ chồng anh N1 tiếp tục quản lý, sử dụng; giao thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai và thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16 tại thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai cho bà H tiếp tục quản lý, sử dụng.

- Tại bản tự khai ngày 06/12/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị N trình bày:

Chị Đặng Thị N là con ruột của ông Đặng Đ và bà Nguyễn Thị H.

Chị Đặng Thị N thống nhất: Về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế của ông Đặng Đ; thống nhất nguồn gốc, quá trình hình thành tài sản của ông Đặng Đ N3 bà Nguyễn Thị H, anh Đặng H1, chị Đặng Thị Thu H2 trình bày.

Chị N xác định ông Đặng Đề C1 năm 2013 và không để lại di chúc. Sau khi ông Đặng Đề C1, gia đình có họp để phân chia di sản nhưng không thành.

Do đó, yêu cầu về chia tài sản chung và chia thừa kế của bà Nguyễn Thị H là quyền sử dụng các thửa đất, gồm: Thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai); thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16 tại thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai) và thửa đất số 1701, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai) thì chị N đồng ý, không có ý kiến khiếu nại gì.

- Tại bản tự khai ngày 05/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Tâm H3 trình bày:

Chị Đặng Thị Tâm H3 là con ruột của ông Đặng Đ và bà Nguyễn Thị H.

Chị Đặng Thị Tâm H3 thống nhất: Về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế của ông Đặng Đ; thống nhất nguồn gốc, quá trình hình thành tài sản của ông Đặng Đề N3 bà Nguyễn Thị H, anh Đặng H1, chị Đặng Thị Thu H2 trình bày.

Chị H3 xác định ông Đặng Đề C1 năm 2013 và không để lại di chúc. Sau khi ông Đặng Đề C1, gia đình có họp để phân chia di sản nhưng không thành.

Chị H3 xác định không có đóng góp công sức gì đối với các tài sản do ông Đ và bà H tạo lập.

Do đó, yêu cầu về chia tài sản chung và chia thừa kế của bà Nguyễn Thị H là quyền sử dụng các thửa đất: Thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai); thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16 tại thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai) và thửa đất số 1701, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai) thì chị H3 đồng ý; chị H3 yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế theo quy định của pháp luật và yêu cầu được nhận giá trị bằng tiền.

Chị H3 không yêu cầu định giá các tài sản gắn liền với thửa đất số 1701, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai.

Chị H3 thống nhất việc bà H rút yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 285A, tờ bản đồ số 23 tại thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định và chia thừa kế di sản của ông Đặng Đ liên quan đến thửa đất này.

Chị H3 thống nhất giao thửa đất số 1701, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai cho vợ chồng anh N1 tiếp tục quản lý, sử dụng; giao thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai và thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16 tại thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai cho bà H tiếp tục quản lý, sử dụng.

- Tại bản tự khai ngày 09/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Q trình bày:

Chị Đặng Thị Q là con ruột của ông Đặng Đ và bà Nguyễn Thị H.

Chị Đặng Thị Q thống nhất: Về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế của ông Đặng Đ; thống nhất nguồn gốc, quá trình hình thành tài sản của ông Đặng Đ N3 bà Nguyễn Thị H trình bày.

Chị Đặng Thị Q xác định ông Đặng Đ C1 năm 2013 và không để lại di chúc.

Chị Q xác định trước khi ông Đặng Đ C1 thì không để lại di chúc.

Do đó, yêu cầu về chia tài sản chung và chia thừa kế của bà Nguyễn Thị H là quyền sử dụng các thửa đất: Thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai); thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16 tại thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai) và thửa đất số 1701, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai) thì chị Q đồng ý; chị Q yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế theo quy định của pháp luật và yêu cầu được nhận giá trị bằng tiền.

Chị Q không yêu cầu chia ngôi nhà của cha mẹ, nên không yêu cầu định giá các tài sản gắn liền với các thửa đất và ngôi nhà bà H đang quản lý, sử dụng và ngôi nhà của vợ chồng anh N1 đang quản lý, sử dụng.

- Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Văn N1 trình bày:

Anh Đặng Văn N1 là con ruột của ông Đặng Đ và bà Nguyễn Thị H.

Anh Đặng Văn N1 thống nhất: Về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế của ông Đặng Đ; nguồn gốc, quá trình hình thành tài sản của ông Đặng Đ N3 bà Nguyễn Thị H, anh Đặng H1, chị Đặng Thị Thu H2 trình bày.

Anh Đặng Văn N1 xác định ông Đặng Đ C1 năm 2013 và không để lại di chúc. Sau khi ông Đặng Đ C1, gia đình có họp để phân chia di sản nhưng không thành.

Sau khi ông Đặng Đ C1 thì bà H xây dựng cho anh một ngôi nhà ở và 01 ngôi nhà quán trên thửa đất số 1701, tờ bản đồ số 17, diện tích 336m² tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định để anh làm nghề sửa chữa xe máy. Sau khi anh kết hôn với chị T1 kết hôn thì bà H chỉ cho vợ chồng anh N1, chị T1 phần đất trống của thửa đất số 1701, tờ bản đồ số 17 nêu trên để xây dựng nhà ở và vợ chồng anh N1 đã xây dựng ngôi nhà 02 tầng trên phần đất này. Khi xây dựng nhà ở thì các anh, chị, em trong gia đình của anh N1 không ai ngăn cản và cũng không có ý kiến gì. Ngoài chỗ ở trên thửa đất này thì vợ chồng anh nam không có chỗ ở nào khác.

Anh N1 thống nhất không yêu cầu định giá các tài sản trên thửa đất số 1701, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai). Thống nhất kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Hội đồng và thống nhất kết quả định giá của Hội đồng đối với 03 thửa đất.

Do đó, anh N1 thống nhất yêu cầu về chia tài sản chung và chia thừa kế của bà Nguyễn Thị H, đối với: Thửa đất số 1701, tờ bản đồ số 17, tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai); thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17, tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai) và thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16, tại thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai).

Khi chia thừa kế thì, anh N1 yêu cầu được nhận hiện vật là thửa đất số 1701, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai và vợ chồng anh N1, chị T1 có nghĩa vụ thối lại giá trị tài sản chênh lệch cho các đồng thừa kế. Giao thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17, tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai) và thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16, tại thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định cho bà Nguyễn Thị Hồng T2 quyền quản lý, sử dụng và bà H có nghĩa vụ thối lại giá trị tài sản chênh lệch.

Anh N1 thống nhất việc bà H rút yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 285A, tờ bản đồ số 23 tại thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định và chia thừa kế di sản của ông Đặng Đ liên quan đến thửa đất này.

- Tại bản tự khai ngày 06/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Văn V trình bày:

Anh Đặng Văn V là con ruột của ông Đặng Đ và bà Nguyễn Thị H.

Anh Đặng Văn V thống nhất: Về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế của ông Đặng Đ; thống nhất nguồn gốc, quá trình hình thành tài sản của ông Đặng Đ N3 bà Nguyễn Thị H, anh Đặng H1, chị Đặng Thị Thu H2 trình bày.

Anh Đặng Văn V xác định ông Đặng Đ C1 năm 2013 và không để lại di chúc. Sau khi ông Đặng Đ C1, gia đình có họp để phân chia di sản nhưng không thành.

Anh V xác định không có đóng góp công sức gì đối với các tài sản do ông Đ và bà H tạo lập.

Do đó, yêu cầu về chia tài sản chung và chia thừa kế của bà Nguyễn Thị H là quyền sử dụng các thửa đất: Thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai); thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16 tại thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai) và thửa đất số 1701, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai) thì anh V đồng ý; anh V yêu cầu được nhận kỹ phần thừa kế theo quy định của pháp luật và yêu cầu được nhận giá trị bằng tiền.

Anh V không yêu cầu định giá các tài sản gắn liền với thửa đất số 1701, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai.

Anh V thống nhất việc bà H rút yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 285A, tờ bản đồ số 23 tại thôn A, xã M,

huyện P, tỉnh Bình Định và chia thừa kế di sản của ông Đặng Đ liên quan đến thửa đất này.

Anh V thống nhất giao thừa đất số 1701, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai cho vợ chồng anh N1 tiếp tục quản lý, sử dụng; giao thừa đất số 1625, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai và thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16 tại thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai cho bà H tiếp tục quản lý, sử dụng.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/4/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị T1 trình bày:

Chị Lê Thị T1 là vợ của anh Đặng Văn N1 và là con dâu của bà Nguyễn Thị H.

Chị T1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế của bà Nguyễn Thị H. Vì bản thân chị T1 không có đóng góp gì trong khối tài sản chung của bà H, ông Đ.

Tuy nhiên, sau khi kết hôn với anh N1 thì bà H có cho vợ chồng anh N1, chị T1 thừa đất số 1701, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai) để vợ chồng xây dựng nhà ở và vợ chồng đã xây dựng xong. Khi xây dựng nhà ở thì bà H cũng như các anh chị em trong gia đình anh N1 không có ai ngăn cản. Việc bà H chỉ đất cho vợ chồng xây nhà bằng miệng chứ không có văn bản, giấy tờ gì.

Chị T1 thống nhất kết quả xem xét, thẩm định, đo đạc đối với thửa đất, ngôi nhà mà vợ chồng chị T1 đang quản lý, sử dụng. Thống nhất kết quả định giá đối với thửa đất; không có ý kiến hay yêu cầu chia ngôi nhà và các tài sản khác có trên đất vì đây là tài sản của vợ chồng chị T1

Do đó, khi giải quyết chia tài sản chung và chia thừa kế thì chị T1 yêu cầu xem xét cùng với anh N1 được nhận thừa đất nêu trên và chị T1 cùng với anh N1 có trách nhiệm thối lại giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế gia đình anh N1.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng G nguyên ý kiến và yêu cầu nêu trên; bị đơn những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến và yêu cầu nêu trên;

Nguyên đơn bà H, bị đơn anh H1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm chị H2, chị T, anh N1, anh V, chị T1 đều trình bày thống nhất các tài sản trên thửa đất số 1701, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai, gồm: 01 ngôi nhà 02 tầng, tường rào ranh giới xây bằng gạch là tài sản của vợ chồng anh N1, chị T1; 01 nhà quán sửa xe, 01 ngôi nhà ở phía sau có diện tích 43,3m² là tài sản của bà H tạo lập sau khi ông Đặng ĐỀ C1.

Nguyên đơn bà H, bị đơn anh H1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị H2, chị T, anh N1, anh V đều trình bày thống nhất: Khi ông Đ

còn sống thì vợ và các người con của ông Đ không có ai có hành vi lừa dối, cưỡng ép, xâm phạm tính mạng, sức khỏe của ông Đ.

Bà H thống nhất giao lại các tài sản gồm: 01 nhà quán sửa xe, 01 ngôi nhà ở phía sau có diện tích 43,3m² cho vợ chồng anh N1, chị T1 được trọn quyền sở hữu và sử dụng. Bà H không yêu cầu vợ chồng anh N1, chị T1 bồi lại giá trị.

Anh N1 đồng ý đưa kỷ phần thừa kế được nhận nhập vào tài sản chung của vợ chồng anh N1, chị T1. Anh N1 và chị T1 chịu trách nhiệm bồi lại giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 609, Điều 612, Điều 613, Điều 618, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc chia tài sản chung và chia di sản thừa kế.

++ Xác định tài sản chung của ông Đặng Đ và bà Nguyễn Thị H, gồm: Thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai, có giá trị 570.000.000 đồng; thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16 tại thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai, có giá trị 1.500.000.000 đồng và thửa đất số 1701 (mới 170), tờ bản đồ số 17 (mới 36) tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai, có giá trị 1.358.000.000 đồng. Tổng giá trị 3.428.000.000 (*Ba tỷ bốn trăm hai mươi tám triệu*) đồng.

++ Xác định tài sản riêng của bà Nguyễn Thị H và tài sản riêng của ông Đặng Đ trong khối tài sản chung của bà Nguyễn Thị H và ông Đặng Đ mỗi người là ½ quyền sử dụng thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai; thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16 tại thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai và thửa đất số 1701 (mới 170), tờ bản đồ số 17 (mới 36) tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai, tương ứng số tiền 1.714.000.000 đồng;

++ Chia di sản thừa kế của ông Đặng Đ C2 theo pháp luật cho bà Nguyễn Thị H, chị Đặng Thị Thu H2, anh Đặng H1, chị Đặng Thị T, chị Đặng Thị N, chị Đặng Thị Tâm H3, chị Đặng Thị Q, anh Đặng Văn N1 và anh Đặng Văn V mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế tài sản của ông Đặng Đ, tương ứng với số tiền 190.444.400 đồng.

++ Chia giao tài sản chung và di sản thừa kế bằng hiện:

+++ Giao cho bà Nguyễn Thị H được trọn quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai, có giá trị là 570.000.000 đồng và thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16 tại thôn T, xã A, tỉnh Gia

Lai, có giá trị là 1.500.000.000 đồng. Tổng cộng giá trị tài sản là 2.070.000.000 đồng.

+++ Giao cho vợ chồng anh Đặng Văn N1, chị Lê Thị T1 được trọn quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 1701 (mới 170), tờ bản đồ số 17 (mới 36), diện tích 336m² (diện tích đo đạt thực tế 423,2m²) tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai, có giá trị là 1.358.000.000 đồng và vợ chồng anh N1, chị T1 trọn quyền sở hữu, sử dụng các tài sản có trên thửa đất này.

++ Về thanh toán giá trị:

+++ Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho anh Đặng H1, số tiền 165.555.600 (*Một trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm*) đồng;

+++ Buộc anh Đặng Văn N1 và chị Lê Thị T1 có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho nhưng người sau:

+++ Chị Đặng Thị Thu H2 số tiền 190.444.400 (*Một trăm chín mươi triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm*) đồng;

+++ Chị Đặng Thị T số tiền 190.444.400 (*Một trăm chín mươi triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm*) đồng;

+++ Chị Đặng Thị N số tiền 190.444.400 (*Một trăm chín mươi triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm*) đồng;

+++ Chị Đặng Thị Tâm H3 số tiền 190.444.400 (*Một trăm chín mươi triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm*) đồng;

+++ Chị Đặng Thị Q số tiền 190.444.400 (*Một trăm chín mươi triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm*) đồng;

+++ Anh Đặng Văn V số tiền 190.444.400 (*Một trăm chín mươi triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm*) đồng;

+++ Anh Đặng H1 số tiền 24.888.800 (*Hai mươi bốn triệu tám trăm tám mươi tám nghìn tám trăm*) đồng.

++ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về chia tài sản chung và chia thừa kế đối với thửa đất số 285A (mới 194), tờ bản đồ số 23 (mới 13) tại thôn A, xã A, tỉnh Gia Lai.

++ Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí thì bà Nguyễn Thị H là người già được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Buộc chị Đặng Thị Thu H2, anh Đặng H1, chị Đặng Thị T, chị Đặng Thị N, chị Đặng Thị Tâm H3, chị Đặng Thị Q, anh Đặng Văn N1, anh Đặng Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí tố tụng: Mỗi người phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện “Tranh chấp chia tài sản chung và tranh chấp về thừa kế tài sản”. Đối tượng tranh chấp là bất động sản tại xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là xã A, tỉnh Gia Lai). Do đó, căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3-Gia Lai, tỉnh Gia Lai).

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự đều khai thống nhất ông Đặng Đề C1 năm 2013. Do vậy, thời điểm mở thừa kế của ông Đ là năm 2013. Căn cứ Điều 623 của Bộ luật D sự năm 2015 thì thời hiệu chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất của ông Đ còn trong thời hiệu.

[3] Về xác định nguồn gốc đất: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H, chị Đặng Thị Thu H2, anh Đặng H1, chị Đặng Thị T, chị Đặng Thị N, chị Đặng Thị Tâm H3, chị Đặng Thị Q, anh Đặng Văn N1, anh Đặng Văn V xác định thống nhất: Thừa đất số 1625, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai; thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16, tại thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai và thửa đất số 1701 (mới 170), tờ bản đồ số 17 (mới 36) tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai, là tài sản chung của bà Nguyễn Thị H và ông Đặng Đề tạo L trong thời kỳ hôn nhân.

Xét lời khai của bà Nguyễn Thị H, chị Đặng Thị Thu H2, anh Đặng H1, chị Đặng Thị T, chị Đặng Thị N, chị Đặng Thị Tâm H3, chị Đặng Thị Q, anh Đặng Văn N1, anh Đặng Văn V phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập và các tài liệu, chứng cứ (bản chứng thực) do bà H cung cấp là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 525125, sổ vào sổ cấp GCN: CH00114 được Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 27/7/2010 đứng tên ông Phạm Kim H4 đã được đăng ký biến động sang tên ông Đặng Đ tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện P ngày 22/6/2012 đối với thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17 tại thôn C xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 563202, sổ vào sổ cấp GCN: CH00145 được Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 06/01/2011 đứng tên ông Đặng Đ và bà Nguyễn Thị H đối với thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16 tại thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai) và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 618397, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H: 00111 được Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 07/6/2007 đứng tên ông Đặng Đ đối với thửa đất số 1701 (mới 170), tờ bản đồ số 17 (mới 36) tại Thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai).

Do vậy, Hội đồng xét xử xác định: Thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai; thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16, tại thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai và thửa đất số 1701 (mới 170), tờ bản đồ số 17 (mới 36) tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai, là tài sản chung của bà Nguyễn Thị H và ông Đặng Đ tạo L trong thời kỳ hôn nhân.

[4] Xét về yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất của bà H và ông Đ: Từ phân tích tại mục [3] và trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự xác định giữa bà H và ông Đ không có thỏa thuận gì về chế độ tài sản trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử xác định giá trị tài sản riêng bà H và của ông Đ trong khối tài sản chung, mỗi người là $\frac{1}{2}$ giá trị. Cụ thể như sau:

[4.1] Thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17, diện tích 100m^2 đất ở nông thôn tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai. Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản ngày 20/8/2025 thì thửa đất có giá trị 570.000.000 đồng.

[4.2] Thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16, diện tích 200m^2 đất ở nông thôn tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai. Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản ngày 20/8/2025 thì thửa đất có giá trị 1.500.000.000 đồng.

[4.3] Thửa đất số 1701 (mới 170), tờ bản đồ số 17 (mới 36), diện tích 336m^2 (Trong đó 120m^2 đất ở nông thôn và 226m^2 đất trồng cây hàng năm khác) tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai. Diện tích đo đạc thực tế là: $423,2\text{m}^2$ (Trong đó: 120m^2 đất ở nông thôn; $55,8\text{m}^2$ đất trồng cây hàng năm khác và $247,4\text{m}^2$ đất hành lang an toàn giao thông). Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản ngày 20/8/2025 thì thửa đất có giá trị 1.358.000.000 đồng.

[4.4] Từ những phân tích tại mục [4.1], [4.2], [4.3] và căn cứ các Điều 223, 224 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 105, 106 Luật Đất đai năm 2003 và các Điều 27, 28 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, thì tài sản riêng của bà Nguyễn Thị H và ông Đặng Đ trong khối tài sản chung, có giá trị là $(1.358.000 \text{ đồng} + 1.500.000.000 \text{ đồng} + 570.000.000 \text{ đồng}) : 2 = 1.714.000.000$ (Một tỷ bảy trăm mười bốn triệu) đồng.

[5] Xét về yêu cầu chia thừa kế:

[5.1] Về việc xác định hàng thừa kế: Các đương sự đều khai thống nhất: Ông Đặng Đ và bà Nguyễn Thị H, có 08 người con, gồm: Chị Đặng Thị Thu H2, anh Đặng H1, chị Đặng Thị T, chị Đặng Thị N, chị Đặng Thị Tâm H3, chị Đặng Thị Q, anh Đặng Văn N1, anh Đặng Văn V. Ngoài ra, ông Đặng Đ không có con riêng, con nuôi. Cha của ông Đ là cụ ông Đặng C, chết năm 1972 và mẹ của ông Đ là cụ bà Lữ Thị Đ1, chết năm 1961.

Căn cứ Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định, người thừa kế di sản của ông Đặng Đ theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất, gồm: Bà Nguyễn Thị H, chị Đặng Thị Thu H2, anh Đặng H1, chị Đặng Thị T, chị Đặng Thị N, chị Đặng Thị Tâm H3, chị Đặng Thị Q, anh Đặng Văn N1, anh Đặng Văn V.

[5.2] Di sản của ông Đặng Đề C1 để lại là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất, gồm: Thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai; thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16 tại thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai và thửa đất số (mới 170), tờ bản đồ số 17 (mới 36) tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai (trong khối tài sản chung giữa bà Nguyễn Thị H và ông Đặng Đ), có giá trị 1.714.000.000 đồng.

[5.3] Xét về yêu cầu chia thừa kế của các bên đương sự thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà các đồng thừa kế của ông Đặng Đ đều xác định thống nhất ông Đặng Đề C1 không để lại di chúc và không có ai có hành vi lừa dối, cưỡng ép, xâm phạm tính mạng, sức khoẻ của ông Đ.

Do đó, bà Nguyễn Thị H, chị Đặng Thị Thu H2, anh Đặng H1, chị Đặng Thị T, chị Đặng Thị N, chị Đặng Thị Tâm H3, chị Đặng Thị Q, anh Đặng Văn N1, anh Đặng Văn V, mỗi người được hưởng phần di sản bằng nhau.

[5.3.1] Xét về chia thừa kế bằng giá trị:

Di sản của ông Đặng Đ có tổng giá trị 1.714.000.000 đồng, được chia đều cho 09 đồng thừa kế của ông Đặng Đ, gồm: Bà Nguyễn Thị H, chị Đặng Thị Thu H2, anh Đặng H1, chị Đặng Thị T, chị Đặng Thị N, chị Đặng Thị Tâm H3, chị Đặng Thị Q, anh Đặng Văn N1, anh Đặng Văn V. Do đó, mỗi người được nhận kỷ phần thừa kế của ông Đ, tương ứng với giá trị (1.714.000.000 đồng : 9) = 190.444.444 đồng (làm tròn số 190.444.400 đồng).

[5.3.2] Xét về chia bằng hiện vật:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà các đồng thừa kế thống nhất, giao cho bà H được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất của thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai; thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16 tại thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai và giao cho vợ chồng anh N1, chị T1 được nhận hiện vật là thửa đất số 1701 (mới 170), tờ bản đồ số 17 (mới 36) tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai. Bà H, anh N1, chị T1 có nghĩa vụ thôi lại giá trị tài sản chênh lệch cho các đồng thừa kế khác.

Năm 2023, vợ chồng anh Đặng Văn N1, chị Lê Thị T1 được bà Nguyễn Thị H chỉ cho thửa đất số 1701 (mới 170), tờ bản đồ số 17 (mới 36) tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai) để xây dựng nhà ở và đã xây dựng xong. Khi xây dựng nhà ở thì bà H cũng như các anh, chị, em trong gia đình anh N1 không có ai ngăn cản. Nhưng khi cho đất thì bà H chỉ nói bằng miệng chứ không có văn bản, giấy tờ gì. Ngoài ngôi nhà trên thửa đất này thì vợ chồng anh N1, chị T1 cũng không có chỗ ở nào khác. Anh N1, chị T1 cũng có nguyện vọng được nhận hiện vật là thửa đất này và cùng có trách nhiệm thôi lại giá trị cho các đồng thừa kế với anh N1. Mặt khác, các anh, chị em của anh N1 cũng thống nhất đối với yêu cầu của vợ chồng anh N1 và đều có nguyện vọng được nhận giá trị bằng tiền. Anh N1 đồng ý đưa kỷ phần thừa kế được nhận nhập vào tài sản chung của vợ chồng và anh N1, chị T1 đồng ý thôi lại giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế còn lại. Hơn nữa, thửa đất này không thể chia bằng hiện vật.

Xét việc thoả thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với đạo đức, xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận, cụ thể như sau:

[5.3.2.1] Chia giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai (có giá trị 570.000.000 đồng) và thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16 tại thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai (có giá trị 1.500.000.000 đồng). Tổng cộng 2.070.000.000 đồng.

[5.3.2.2] Chia giao cho anh Đặng Văn N1, chị Lê Thị T1 được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số (mới 170), tờ bản đồ số 17 (mới 36) tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai, có giá trị 1.358.000.000 đồng.

[5.3.3] Về trách nhiệm thối lại giá trị chênh lệch của kỷ phần thừa kế:

[5.3.3.1] Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thối lại giá trị tài sản chênh lệch cho anh Đặng H1 số tiền là 165.555.600 (*Một trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm*) đồng.

[5.3.3.2] Anh Đặng Văn N1 và chị Lê Thị T1 có nghĩa vụ thối lại giá trị tài sản chênh lệch cho các đồng thừa kế sau:

Chị Đặng Thị Thu H2, chị Đặng Thị T, chị Đặng Thị N, chị Đặng Thị Tâm H3, chị Đặng Thị Q, anh Đặng Văn V mỗi người số tiền 190.444.400 đồng và anh Đặng H1 số tiền 24.888.800 đồng,

[6] Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc chia tài sản chung và chia thừa kế là quyền sử dụng thửa đất số 285A, tờ bản đồ số 23, tại thôn A, xã A, tỉnh Gia Lai cấp trong hộ ông Đặng Đ: Ngày 09/5/2025, bà Nguyễn Thị H có đơn rút yêu cầu. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà anh Đặng H1, chị Đặng Thị Thu H2, chị Đặng Thị T, chị Đặng Thị Tâm H3, anh Đặng Văn N1, anh Đặng Văn V thống nhất việc bà H rút yêu cầu, để gia đình tự giải quyết. Xét việc rút yêu cầu này của bà H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của bà Nguyễn Thị H.

[7] Đối với các tài sản trên thửa đất số 1701 (mới 170), tờ bản đồ số 17 (mới 36) tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai: Bà H, anh H1, chị H2, anh N1, anh V và chị T1 xác định thống nhất: Trên thửa đất này có 01 ngôi nhà 02 tầng, tường rào ranh giới thửa đất xây bằng gạch là tài sản của vợ chồng anh N1, chị T1; 01 nhà quán S, 01 ngôi nhà (diện tích 43,3m²) nằm ở phía Đông Bắc của thửa đất là tài sản của bà H tạo lập sau khi ông Đặng Đ C1.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà các bên đương sự không có tranh chấp đối với tài sản này. Bà H thống nhất giao các tài sản, gồm: 01 nhà quán S, 01 ngôi nhà (diện tích 43,3m²) nằm ở phía Đông Bắc của thửa đất cho vợ chồng anh N1, chị T1 trọn quyền sở hữu, sử dụng và không yêu cầu vợ chồng anh N1, chị T1 thối lại giá trị. Vợ chồng anh N1 và chị T1 đồng ý nhận các tài sản của bà H giao cho.

Xét việc thoả thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với đạo đức xã hội, nên được chấp nhận là Giao các tài sản trên thửa đất số 1701 (mới 170), tờ bản đồ số 17 (mới 36) tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai cho vợ chồng anh N1, chị T1 trọn quyền sở hữu, sử dụng.

[8] Về án phí: Chị Đặng Thị Thu H2, anh Đặng H1, chị Đặng Thị T, chị Đặng Thị N, chị Đặng Thị Tâm H3, chị Đặng Thị Q, anh Đặng Văn N1, anh Đặng Văn V mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với kỳ phân thừa kế được nhận theo quy định của pháp luật; bà Nguyễn Thị H là người già, nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, xem xét thẩm định và định giá tài sản có tranh chấp với tổng số tiền 22.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị H phải chịu 12.240.000 đồng. Chị Đặng Thị Thu H2, anh Đặng H1, chị Đặng Thị T, chị Đặng Thị N, chị Đặng Thị Tâm H3, chị Đặng Thị Q, anh Đặng Văn N1, anh Đặng Văn V mỗi người phải chịu 1.220.000 đồng. Bà H đã tạm ứng trước số tiền 22.000.000 đồng, nên chị Đặng Thị Thu H2, anh Đặng H1, chị Đặng Thị T, chị Đặng Thị N, chị Đặng Thị Tâm H3, chị Đặng Thị Q, anh Đặng Văn N1, anh Đặng Văn V mỗi người phải hoàn trả cho bà H số tiền 1.220.000 đồng

[10] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Về đề nghị hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 105, 106 Luật Đất đai năm 2003; các Điều 223, 224, 633, 634 Bộ luật Dân sự 2005; các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 28 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 12, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về chia tài sản chung và chia thừa kế.

2. Xác định tài sản chung, giá trị tài sản của ông Đặng Đ và bà Nguyễn Thị H, có tổng giá trị 3.428.000.000 (*Ba tỷ bốn trăm hai mươi tám triệu*) đồng, gồm:

2.1. Thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17 tại thôn C xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai), có giá trị 570.000.000 đồng;

2.2. Thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16 tại thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai), có giá trị 1.500.000.000 đồng;

2.3. Thửa đất số 1701 (mới 170), tờ bản đồ số 17 (mới 36) tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai), có giá trị 1.358.000.000 đồng.

3. Về xác nhận tài sản riêng trong khối tài sản chung.

3.1. Xác nhận tài sản riêng của bà Nguyễn Thị H trong khối tài sản chung của bà Nguyễn Thị H và ông Đặng Đ là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai; thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16 tại thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai và thửa đất số 1701 (mới 170), tờ bản đồ số 17 (mới 36) tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai, tương ứng giá trị 1.714.000.000 đồng;

3.2. Xác nhận tài sản riêng của ông Đặng Đ (cũng là di sản của ông Đặng Đ) trong khối tài sản chung của bà Nguyễn Thị H và ông Đặng Đ là $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai; thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16 tại thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai và thửa đất số 1701 (mới 170), tờ bản đồ số 17 (mới 36) tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai, tương ứng giá trị 1.714.000.000 đồng.

4. Xác nhận người thừa kế, di sản thừa kế và chia thừa kế bằng giá trị:

4.1. Xác nhận người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đặng Đ, gồm: Bà Nguyễn Thị H, chị Đặng Thị Thu H2, anh Đặng H1, chị Đặng Thị T, chị Đặng Thị N, chị Đặng Thị Tâm H3, chị Đặng Thị Q, anh Đặng Văn N1 và anh Đặng Văn V;

4.2. Xác nhận di sản thừa kế của ông Đặng Đ C2 theo pháp luật là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17 tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai; thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16 tại thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai và thửa đất số 1701 (mới 170), tờ bản đồ số 17 (mới 36) tại thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai, tương ứng giá trị 1.714.000.000 đồng;

4.3. Xác nhận chia di sản thừa kế bằng giá trị: Bà Nguyễn Thị H, chị Đặng Thị Thu H2, anh Đặng H1, chị Đặng Thị T, chị Đặng Thị N, chị Đặng Thị Tâm H3, chị Đặng Thị Q, anh Đặng Văn N1 và anh Đặng Văn V mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế tài sản của ông Đặng Đ, tương ứng với số tiền 190.444.400 đồng.

5. Chia tài sản chung và di sản thừa kế bằng hiện vật là quyền sử dụng đất:

5.1. Giao cho bà Nguyễn Thị H được trọn quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 1625, tờ bản đồ số 17 tại thôn C xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 525125, sổ vào sổ cấp GCN: CH00114 được Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định cấp ngày 27/7/2010 đứng tên ông Phạm Kim H4 đã được đăng ký biến động đứng tên ông Đặng Đ tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện P, tỉnh Bình Định ngày 22/6/2012, có giá trị là 570.000.000 đồng và thửa đất số 1242, tờ bản đồ số 16 tại thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là thôn T, xã A, tỉnh Gia Lai), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác

gắn liền với đất số BA 563202, sổ vào sổ cấp GCN: CH00145 được Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định cấp ngày 06/01/2011 đứng tên ông Đặng Đ và bà Nguyễn Thị H, có giá trị là 1.500.000.000 đồng. Tổng cộng giá trị tài sản là 2.070.000.000 (*Hai tỷ không trăm bảy mươi triệu*) đồng.

(*Có trích đo hiện trạng khu đất lập ngày 20/5/2025 của Công ty Cổ phần T3 kèm theo*)

5.2. Giao cho vợ chồng anh Đặng Văn N1, chị Lê Thị T1 được trọn quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 1701 (mới 170), tờ bản đồ số 17 (mới 36), diện tích 336m² (diện tích đo đạc thực tế 423,2m²) tại thôn C, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 618397, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H: 00111 được Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định cấp ngày 07/6/2007 đứng tên ông Đặng Đ, có giá trị là 1.358.000.000 đồng và vợ chồng anh N1, chị T1 trọn quyền sở hữu, sử dụng các tài sản có trên thửa đất này.

(*Có trích đo hiện trạng khu đất lập ngày 20/5/2025 của Công ty Cổ phần T3 kèm theo*)

6. Về thanh toán giá trị:

6.1. Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho anh Đặng H1, số tiền 165.555.600 (*Một trăm sáu mươi lăm triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn sáu trăm*) đồng;

6.2. Buộc anh Đặng Văn N1 và chị Lê Thị T1 có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho những người sau:

6.2.1. Chị Đặng Thị Thu H2 số tiền 190.444.400 (*Một trăm chín mươi triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm*) đồng;

6.2.2. Chị Đặng Thị T số tiền 190.444.400 (*Một trăm chín mươi triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm*) đồng;

6.2.3. Chị Đặng Thị N số tiền 190.444.400 (*Một trăm chín mươi triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm*) đồng;

6.2.4. Chị Đặng Thị Tâm H3 số tiền 190.444.400 (*Một trăm chín mươi triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm*) đồng;

6.2.5. Chị Đặng Thị Q số tiền 190.444.400 (*Một trăm chín mươi triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm*) đồng;

6.2.6. Anh Đặng Văn V số tiền 190.444.400 (*Một trăm chín mươi triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm*) đồng;

6.2.7. Anh Đặng H1 số tiền 24.888.800 (*Hai mươi bốn triệu tám trăm tám mươi tám nghìn tám trăm*) đồng.

7. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về chia tài sản chung và chia thừa kế đối với thửa đất số 285A (mới 194), tờ bản đồ số 23 (mới 13) tại thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (Nay là thôn A, xã A, tỉnh Gia Lai).

8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

8.1. Bà Nguyễn Thị H là người già, nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

8.2. Chị Đặng Thị Thu H2, anh Đặng H1, chị Đặng Thị T, chị Đặng Thị N, chị Đặng Thị Tâm H3, chị Đặng Thị Q, anh Đặng Văn N1, anh Đặng Văn V mỗi người phải chịu 9.522.000 (*Chín triệu năm trăm hai mươi hai nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

9. Về chi phí tố tụng: Về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 22.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị H đã tạm ứng trước số tiền 22.000.000 đồng.

9.1. Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 12.240.000 (*Mười hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền bà H đã tạm ứng trước, bà H đã thực hiện xong.

9.2. Buộc chị Đặng Thị Thu H2, anh Đặng H1, chị Đặng Thị T, chị Đặng Thị N, chị Đặng Thị Tâm H3, chị Đặng Thị Q, anh Đặng Văn N1, anh Đặng Văn V mỗi người phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 1.220.000 (*Một triệu hai trăm hai mươi nghìn*) đồng.

10. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

10.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

10.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

11. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 3-Gia Lai;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Lưu VP-HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vô Bá Tùng